

Bản án số: 100/2020/HS-ST

Ngày: 21/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ ông Huỳnh Tiến Dũng – Nguyên là giáo viên;

2/ bà Đặng Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2020/HSST ngày 16/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/QĐXXST-HS ngày 06/5/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh Gia B, giới tính: Nam; sinh ngày: 09/01/2003; nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: số A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: thiên chúa; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: học sinh; con ông Nguyễn Ngọc Thanh G và bà Huỳnh Thị Bích Ng; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giam từ ngày: 09/02/2020 đến ngày 31/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Văn Ch, Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ông Nguyễn Ngọc Thanh G, sinh năm: 1971 và bà Huỳnh Thị Bích Ng, sinh năm 1972 (cha mẹ ruột bị cáo); cùng địa chỉ số A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (ông G có mặt, bà Ng vắng mặt).

- Bị hại: Chị Phạm Ngọc H, sinh năm: 2000

Cư trú: A đường số B, khu phố C, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Huỳnh Khánh D, sinh năm 1996;

Cư trú: A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1998;

Cư trú: số A khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc Thanh G và bà Huỳnh Thị Bích Ng; địa chỉ số A đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông G có mặt, bà Ng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/02/2020, Nguyễn Huỳnh Gia B điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59U1-973.00 một mình chạy vòng quanh khu vực khu chế xuất Linh Trung 2 tìm người đi đường có tài sản sơ hở để giật lấy tiền tiêu xài. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, B phát hiện anh Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô biển số 66V1-545.75 chở chị Phạm Ngọc H ngồi sau đi từ hướng đường Tỉnh lộ 43 về đường Ngô Chí Quốc, trên cổ chị H có đeo sợi dây chuyền vàng thì B điều khiển xe bám theo để giật dây chuyền của chị H. Khi đến trước Khu lưu trú công nhân thuộc khu chế xuất Linh Trung 2, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì B tăng ga cho xe vượt lên ép sát bên phải, dùng tay trái giật lấy dây chuyền trên cổ chị H rồi tăng ga bỏ chạy đồng thời bỏ sợi dây chuyền giật được vào túi quần bên trái. Anh Thanh điều khiển xe chở chị H chạy đuổi theo sau B đến trước số nhà 1267 đường Tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì đuổi kịp và tăng ga đụng vào đuôi xe mô tô của B làm cả 2 xe cùng ngã xuống đường, B bị quần chúng bắt giữ cùng vật chứng giao cho Công an phường Bình Chiểu lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, còn anh T phải đi điều trị tại bệnh viện do bị té xe gãy tay.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, B đã khai nhận hành vi cướp giật tài sản của mình.

Kết luận định giá tài sản số 300/CV-HĐĐGTSTTTHS ngày 21/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 (một) dây chuyền vàng 18K có giá 5.727.600 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59U1-973.00 (đã trả người quản lý hợp pháp);

- 01 dây chuyền vàng 18K (đã trả bị hại).

Tại bản Cáo trạng số 101/CT – VKS ngày 09/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh Gia B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, h Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, h Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố, áp dụng điểm b, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất tội danh và điều khoản truy tố như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu do bột phát, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, khi phạm tội là người chưa thành niên, gia đình có công với cách mạng, hiện bị cáo đang là học sinh lớp 11 nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị cho bị cáo mức án 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Người đại diện của bị cáo có ý kiến thống nhất với nội dung bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung gì thêm.

Bị cáo không tranh luận về hành vi phạm tội, lời sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục đi học.

Đại diện viện kiểm sát không tranh luận gì thêm, đối với các tình tiết giảm nhẹ do luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người đại diện của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/02/2020, trước Khu lưu trú công nhân thuộc khu chế xuất Linh Trung 2, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô hai bánh ép sát bên phải anh Nguyễn Văn T

đang chở chị Phạm Ngọc H ngồi phía sau, B dùng tay trái giật lấy dây chuyen trên cổ chị H, rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy, nhưng đã bị anh T đuổi theo tông ngã bắt giữ quả tang. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 5.727.600 đồng.

Hành vi công khai, bắt ngờ giật lấy tài sản của người khác có giá trị nêu trên rồi nhanh chóng tẩu thoát mà bị cáo thực hiện đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Hành vi dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của công dân được pháp luật B vệ. Việc truy tố bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo suy nghĩ còn hạn chế, nhất thời, phạm vi hậu quả không lớn, chưa đến mức xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự, kỷ cương xã hội, sự mất ổn định trong đời sống của người dân, có gây tâm lý hoang mang, lo sợ, phần nộ trong một phạm vi khu dân cư, đồng thời thương tích của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xảy ra trong trường hợp anh Nguyễn Văn T chủ động dùng xe của mình tông vào xe bị cáo dẫn đến tự gây tai nạn cho mình nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với thiệt hại này, mặc dù vậy bản thân bị cáo và gia đình cũng đã chủ động khắc phục hậu quả và được anh T có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên không cần thiết áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt thiệt hại không lớn đã thu hồi trả cho bị hại; do bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên việc gia đình bị cáo khắc phục và bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đây được xác định là tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Bị cáo sinh ngày 09/01/2003, khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi. Do vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử.

Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang là học sinh lớp 11 thuận lợi để chính quyền địa phương, gia đình và nhà trường giám sát, giáo dục cũng như cải tạo bị cáo nhằm mục đích giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở

thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, không cần thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản, nhận đủ số tiền bồi thường trách nhiệm dân sự, có đơn xin bãi nại cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác, nên không xét.

- Chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59U1-973.00 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho anh Nguyễn Huỳnh Khánh Duy là phù hợp, anh Duy đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác, nên không giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T đã nhận đủ tiền bồi thường trách nhiệm dân sự, có đơn bãi nại cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác, nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Gia B phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

2- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; khoản 6 Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Gia B: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Huỳnh Gia B cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Khắc Hưng